TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 304 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2019
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Chính
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1277/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định *(có mặt)*.

- *Bị đơn*: Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ M, khu vực N, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-12-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Trần Ngọc H tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 26/12/2009 tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H không nghe. Từ năm 2016 đến nay chị và anh H sống ly tH1, anh H không có trách nhiệm gì với mẹ con chị. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, vì tình cảm vợ chồng không còn, không có cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/7/2011. Hiện sức khỏe con bình thường và đang sống cùng chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc H đã được Toà tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà xét xử nhưng anh H không đến Toà làm việc, vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D xin ly hôn anh Trần Ngọc H. Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Ngọc H1.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ M, khu vực N, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Trần Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Trần Ngọc H kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2009 tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Do mâu thuẫn xảy ra xuyên suốt trong thời gian dài nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ năm 2016 đến nay chị D và anh H đã tự chấm dứt cuộc sống chung, giữa anh chị không còn bất cứ sự liên hệ, trách nhiệm và tình cảm gì với nhau nữa. Tại phiên tòa hôm nay chị D yêu cầu ly hôn với anh H, nhưng anh H không đến Tòa tham gia tố tụng giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy

giữa chị D và anh H có phát sinh mâu thuẫn và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể duy trì được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án anh H cố tình không đến tòa làm việc và hòa giải đã thể hiện anh H không còn quan tâm đến đời sống chung vợ chồng, không quan tâm đến yêu cầu và nguyện vọng của chị D, không có thiện chí tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/7/2011, sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị D. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay chị D xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Hội đồng xét xử thấy: Từ nhỏ cháu H1 đã quen sống cùng mẹ và hiện đã ổn định môi trường ăn ở, điều kiện học tập. Cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó giao cháu H1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này một hoặc hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác

[5] Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn anh Trần Ngọc H.

2. Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/7/2011.

Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Ngọc H1. Chị D không yêu cầu Tòa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này một hoặc hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000764 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q. Chị D đã nộp đủ án phí HNGĐST.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Minh Dũng

<u>Nơi nhận</u>:
-Các đương sự
-VKSND thành phố Q
-Lưu HS